

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/BADS - ST

Ngày: 18 - 6 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG.**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sễn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2018/QĐXXDS-ST, ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Minh T, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Tấn K**, ( TỰ CHÍN PHỤC), sinh năm: 1960 ( có mặt).

Địa chỉ: ấp Minh T, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**NHẬN THẤY:**

**- Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:** Vào năm 2009 bà cho ông Trần Tấn K mượn tổng cộng 13,5 chỉ vàng và 3.000.000đ, mượn tổng cộng 05 lần gồm:

- Ngày 05/6/2009 vay 04 chỉ vàng 24k;
- Ngày 07/6/2009 vay 3.000.000đ;
- Ngày 09/6/2009 vay 02 chỉ vàng 24k;
- Ngày 10/6/2009 vay 4,5 chỉ vàng 24k;
- Ngày 18/6/2009 vay 03 chỉ vàng 24k.

Hai bên thỏa thuận lãi suất 80.000đ/01 tháng/01 chỉ.

Trong quá trình vay ông K đóng lãi cho bà được 4.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k. Từ khi vay đến nay ông K chỉ đóng lãi được 4.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k và không đóng lãi nữa cũng không trả vàng và tiền gốc cho bà. Bà đã nhiều lần qua gặp ông K để yêu cầu ông K trả nợ cho bà nhưng ông K chỉ hứa mà không trả. Đến ngày 22/12/2017 bà đã làm đơn yêu cầu áp hòa giải nhưng không thành nên bà M khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà M yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán cho bà số vàng gốc còn thiếu là 13,5 chỉ vàng 24k, đối với số tiền 3.000.000đ do ông K không thừa nhận hơn nữa bà không có chứng cứ nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét và bà xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000đ này.

Đối với lời trình bày của ông K cho rằng ông K đã trả vàng gốc cho bà 08(tám) chỉ vàng 24k là không đúng nếu ông Kiệt cho rằng số vàng này ông K đưa cho ông Trần Hữu Ng thì ông K hãy đưa ra chứng cứ chứng minh là ông có đưa vàng cho ông Ng vì hiện nay ông Ng đã chết rồi. Hơn nữa khi còn sống bà cũng không có nghe ông Ng nói gì liên quan đến 08 chỉ vàng mà ông K đưa cho ông Ng.

Bà M xác định việc cho ông K mượn vàng và tiền là bà của bà và bà chỉ cho cá nhân ông K mượn không liên quan đến người khác nên bà xác định bà chỉ yêu cầu cá

nhân ông K có trách nhiệm trả nợ cho bà. Nay ông K yêu cầu xem xét đối với số vàng 01 chỉ vàng 24k thì bà M đồng ý trừ cho ông K 01 chỉ vàng 24k. Nay bà M yêu cầu ông K có trách nhiệm trả cho bà số vàng gốc là 12,5 chỉ vàng 24k, bà M không yêu cầu tính lãi suất, trả trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

**- Tại bản tự khai ngày 05/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Tấn K trình bày:** Vào năm 2009 ông vay mượn vàng của bà Nguyễn Thị M tổng cộng 13,5 chỉ vàng 24k, gồm các lần như sau:

- Ngày 05/6/2009 vay 04 chỉ vàng 24k;
- Ngày 09/6/2009 vay 02 chỉ vàng 24k;
- Ngày 10/6/2009 vay 4,5 chỉ vàng 24k;
- Ngày 18/6/2009 vay 03 chỉ vàng 24k.

Hai bên thỏa thuận lãi suất 80.000đ/01 tháng/01 chỉ vàng 24k .

Đối với số tiền 3.000.000đ mà bà M cho rằng ông có vay của bà M là không đúng vì ông không có vay của bà M nên ông không thừa nhận. Đối với số vàng 13,5 chỉ vàng 24k ông xác định là ông có mượn của bà M là thật. Trong quá trình vay mượn ông đã đóng lãi cho bà M được số tiền 4.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền lãi 4.000.000đ và vàng 01 chỉ 24k mà ông đã đóng lãi cho bà M thì ông K yêu cầu Tòa án xem cho ông đối với số vàng 01 chỉ vàng 24k, còn tiền 4.000.000đ thì ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với số vàng gốc 13,5 chỉ vàng 24k đến tháng 12/2009 thì ông đã trả được cho bà M số vàng gốc là 08 chỉ vàng 24k, ông trả là trả cho ông Trần Hữu Ng ( đã chết) là chồng sau bà Nguyễn Thị M, khi trả ông K không có yêu cầu ông Ng làm biên nhận hay giấy tờ gì cả và cũng không ai hay biết, hiện nay ông ông Ng đã chết nên ông không có gì chứng minh.

Ông K xác định số vàng 13,5 chỉ vàng 24k là ông mượn của bà Nguyễn Thị M không phải của ông Trần Hữu Ng và người trực tiếp đưa vàng cho ông chính là bà M.

Nay ông K thừa nhận còn nợ bà M số vàng gốc là 4,5 chỉ vàng 24k vì ông yêu

cầu xem xét đối với số vàng 01 chỉ vàng 24k mà ông đã đóng lãi cho bà M, nay ông K thống nhất trả cho bà M mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Tấn K là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 471, 473 và 474 Bộ luật dân sự, nên khi xảy ra tranh chấp Tòa án áp dụng quy định của Bộ Luật dân sự để giải quyết cho các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị M buộc ông Trần Tấn K có nghĩa vụ trả số vàng gốc là 12,5 chỉ vàng 24k là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông K thừa nhận vào năm 2009 ông K có mượn của bà M số vàng là 13,5 chỉ vàng 24k là thật nhưng vào tháng 12/2009 thì ông đã trả cho bà M được số vàng là 08 chỉ vàng 24k nên hiện tại ông chỉ còn thiếu bà M số vàng là 5,5 chỉ vàng 24k, đồng thời ông đã trả lãi cho bà M được 01 chỉ vàng 24k nên ông yêu cầu Tòa án xem xét, do đó hiện tại ông chỉ còn thiếu bà M 4,5 chỉ vàng 24k và ông xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Việc ông Kiệt trình bày khi trả vàng 08 chỉ vàng cho bà M là ông trả cho ông Trần Hữu Ng và ông cũng không có yêu cầu ông Nghi làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến hiện nay ông Ng đã chết nên ông cũng không có gì chứng minh. Xét lời khai nại của ông K là không có căn cứ chấp nhận bởi vì ông mượn vàng của bà M mà ông đem trả cho ông Ng và ông K không có gì chứng minh, bà M cũng không thừa nhận vấn đề này. Mặc khác Tòa án cũng ra thông báo cho ông K làm đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu Tòa án xem nhưng ông Kiệt vẫn không làm thủ tục phản tố theo quy định, do đó lời khai nại của ông Kiệt không có căn cứ để Hội đồng xem xét. Tại phiên tòa hôm nay ông Kiệt yêu cầu HĐXX đối với số vàng 01 chỉ vàng 24k mà ông đã đóng lãi cho bà M và tại phiên tòa hôm nay bà M cũng thống nhất trừ cho ông K 01 chỉ vàng 24k nên bà M chỉ

yêu cầu ông Kiệt trả cho bà 12,5 chỉ vàng 24k.

Từ những căn cứ nêu trình HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Trần Tuấn K trả cho bà số vàng 12,5 chỉ vàng 24k là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự quy định: “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”. Vì vậy, cần xử buộc ông K có nghĩa vụ trả cho bà M 12,5 chỉ vàng 24k là hoàn toàn phù hợp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà M đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000đ nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Đối với số tiền 4.000.000đ mà ông K đã đóng lãi cho bà M nhưng ông K không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đúng theo quy định của pháp luật

- Việc tuân thủ pháp luật của HĐXX: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, sự có mặt của thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng;

Đối với đương sự: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Tấn K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số vàng vay gốc là 12,5 chỉ vàng 24k.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Số tiền tranh chấp 12.5 chỉ vàng 24k x 3.600.000đ/01 chỉ = 45.000.000đ x 5% = 2.250.000đ. Buộc ông Trần Tấn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.250.000đ đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.256.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0003684, ngày 20/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 266 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên Xử:**

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

2- Buộc ông Trần Tấn K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số vàng vay gốc 12,5 (mười hai phẩy năm chỉ) chỉ vàng 24k, trả ngay sau khi án có hiệu lực và trả một lần.

3 - Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4 - Về án phí: Buộc bị đơn buộc bị đơn ông Trần Tấn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.250.000đ ( Hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng).

Bà M không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.256.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0003684, ngày 20/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Danh Pì Sách**

